

KIẾN THỨC CỦA BÀ MẸ VỀ LỢI ÍCH CỦA VIỆC NUÔI CON BẰNG SỮA MẸ TẠI KHU CÁCH LY CỦA KHOA SƠ SINH BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 2

Nguyễn Thị Diệu Trường*

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định tỉ lệ kiến thức đúng về lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ của bà mẹ có con nhập viện tại khu cách ly của khoa Sơ sinh bệnh viện Nhi Đồng 2.

Phương pháp nghiên cứu: Cắt ngang mô tả.

Kết quả: Hầu hết các bà mẹ đều ở trong độ tuổi (18 – 35), chủ yếu là dân tộc kinh chiếm 80,39%. Trình độ học vấn trên cấp 3 là 60,78%. Nghề nghiệp chủ yếu là lao động chân tay chiếm 64,33%. Kiến thức đúng của bà mẹ về nuôi con bằng sữa mẹ là 80,39%, trong đó 100% bà mẹ cho rằng trong sữa mẹ có đủ chất dinh dưỡng và vitamin, 94,12% bà mẹ đồng ý cho trẻ bú mẹ ngừa được bệnh tiêu chảy, viêm phổi. 50,98 % bà mẹ biết được bất lợi chủ yếu của nuôi con bằng sữa nhân công thức, 96,08% bà mẹ biết được sữa công thức không an toàn cho trẻ (gây dị ứng, tiêu chảy, nhiễm khuẩn hô hấp). 92,16% bà mẹ đồng ý cho trẻ bú mẹ theo nhu cầu, và chỉ có 15,69% bà mẹ đồng ý cho trẻ bú mẹ khi mẹ bệnh.

Kết luận: Qua kết quả nghiên cứu chúng tôi thấy rằng tỉ lệ bà mẹ có kiến thức đúng về lợi ích nuôi con bằng sữa mẹ là 80,39%.

Từ khóa: Nuôi con bằng sữa mẹ.

ABSTRACT

MATERNAL KNOWLEDGE ON BREASTFEEDING BENEFITS IN ISOLATION UNIT,
NEONATOLOGY DEPARTMENT, CHILDREN'S HOSPITAL 2

Nguyen Thi Dieu Truong * Y Hoc TP. Ho Chi Minh * Supplement of Vol. 20 - No 6 - 2016:91 - 95

Objectives: To determine the proportion of mothers whose babies were under treatment in isolation unit, Neonatology department, Children's Hospital 2 with appropriate knowledge on breastfeeding.

Methods: Cross-sectional study.

Results: The majority of mothers were from 18-35 years of age; most of them (80.39%) belonged to Kinh ethnic group; mothers with an education level of secondary school or higher accounted for 60.78%. Most of the participants were manual workers (64.33%). The proportion of mothers with appropriate knowledge on breastfeeding was 80.39%. All mothers knew that breast milk had the perfect combination nutrients and vitamins, 94.12% of mothers breastfeeding agree prevent diarrheal diseases and pneumonia. 50.98% of mothers know the main disadvantages of formula milk, 96.08% of mothers know the formula is not safe for children (allergy, diarrhea, respiratory infections). 92.16% of mothers agree breastfeeding on demand, and only 15.69% of mothers agree breastfeeding when mother get sick.

Conclusions: The result of the study we found that the proportion of mothers with appropriate knowledge about breastfeeding benefits is 80.39%.

Keywords: Breast milk.

* Bệnh viện Nhi Đồng 2.

Tác giả liên lạc: CNĐD Nguyễn Thị Diệu, ĐT: 0973091867, Email: dieutruong1979@yahoo.com.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Sữa mẹ là thức ăn tự nhiên tốt nhất cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. Sữa mẹ có đầy đủ các chất dinh dưỡng với thành phần phù hợp với nhu cầu phát triển rất nhanh của trẻ, đặc biệt là trong giai đoạn sơ sinh. Hơn nữa, sữa mẹ rất dễ tiêu hóa và hấp thu, ngay cả đối với trẻ non tháng nhẹ cân^(1,4,6).

Bệnh viện Nhi Đồng 2 là một trong hai bệnh viện chuyên khoa Nhi hàng đầu của khu vực phía Nam. Khoa Sơ sinh của bệnh viện là tuyến cuối tiếp nhận những trường hợp sơ sinh bệnh lý nặng từ tuyến trước chuyển đến. Khi vào khoa Sơ sinh, vì các vấn đề bệnh lý nặng cần được theo dõi sát, trẻ cần được cách ly khỏi mẹ; và đôi khi phải tạm nhịn ăn qua đường tiêu hóa trong một thời gian. Mặt khác, theo sinh lý của sự tiết sữa, sữa mẹ chỉ được tiết ra khi được vắt đều đặn để làm trống bầu vú⁽⁶⁾. Do đó, nếu không được tư vấn kỹ về lợi ích của sữa mẹ, về việc cần vắt sữa đều đặn, không được tạo điều kiện thuận lợi để có thể vắt thường xuyên và dự trữ sữa, các bà mẹ sẽ thiếu sữa, thậm chí là không có sữa mẹ cho con mình, khi trẻ cần.

Từ nhu cầu thực tế trên, dù điều kiện nhân lực và cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, khoa Sơ sinh bệnh viện Nhi Đồng 2 đã thực hiện một chương trình tuyên truyền về lợi ích của sữa mẹ cho tất cả các bà mẹ có con nằm tại khu cách ly của khoa Sơ Sinh bệnh viện Nhi Đồng 2 từ tháng 5/2016 đến tháng 10/ 2016. Khảo sát kiến thức đúng của bà mẹ bằng phát bộ câu hỏi phỏng vấn, sau đó hướng dẫn và phát tờ rơi về lợi ích của sữa mẹ, cách vắt sữa và cách bảo quản sữa mẹ tại khoa. Qua đó các bà mẹ có thể vắt sữa đều đặn và dự trữ sữa cho con mình.

Do vậy, chúng tôi thực hiện đề tài nghiên cứu khảo sát kiến thức của bà mẹ về lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ tại khu cách ly của khoa Sơ sinh bệnh viện Nhi Đồng 2.

Mục tiêu nghiên cứu

1. Mô tả đặc điểm dịch tễ học của bà mẹ khi

tham gia nghiên cứu.

2. Mô tả tình trạng dinh dưỡng của trẻ khi nhập viện.

3. Xác định tỉ lệ bà mẹ có kiến thức đúng về lợi ích của sữa mẹ trước và sau chương trình truyền thông tại khu cách ly của khoa sơ sinh từ tháng 1/5/2016 đến tháng 31/10/2016.

ĐỐI TƯỢNG - PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Bà mẹ có con nằm tại khu cách ly của khoa Sơ sinh bệnh viện Nhi Đồng 2.

Trẻ nằm tại khu cách ly của khoa Sơ sinh bệnh viện Nhi Đồng 2.

Tiêu chuẩn nhận vào

Tất cả các bà mẹ có con nằm tại khu cách ly của khoa Sơ sinh bệnh viện Nhi Đồng 2 trong 6 tháng, từ tháng 1/5/2016 đến tháng 31/10/2016 và đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại ra

Nằm tại khu cách ly < 72 giờ.

Đa dị tật.

Vàng da tắc mật.

Có chống chỉ định nuôi con bằng sữa mẹ (mẹ đang được hóa trị/ mẹ nhiễm HIV hay CMV/trần dịch dưỡng trấp).

Mẹ không đồng ý tham gia nghiên cứu.

Mẹ không đọc viết được.

Thiết kế nghiên cứu: cắt ngang mô tả.

Dân số nghiên cứu

Dân số mục tiêu

Tất cả bà mẹ có con nằm trong khu cách ly đồng ý tham gia nghiên cứu tại khoa Sơ sinh Bệnh viện Nhi Đồng 2.

Dân số nghiên cứu

Tất cả bà mẹ có con nằm trong khu cách ly và có mẹ đồng ý tham gia nghiên cứu tại khoa Sơ sinh Bệnh viện Nhi Đồng 2 từ tháng 1/5/2016 đến tháng 9/2016.

Cỡ mẫu

Lấy trọn tất cả bà mẹ nằm trong khu cách ly và đồng ý tham gia nghiên cứu trong thời gian từ tháng 5/2016 đến tháng 10 /2016 thỏa tiêu chuẩn chọn mẫu và tiêu chuẩn loại trừ.

Kỹ thuật chọn mẫu

Chọn mẫu thuận tiện

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 5/2016 đến hết tháng 10/2016 tại khoa Sơ sinh Bệnh viện Nhi Đồng 2.

Phương pháp nghiên cứu

Các bước tiến hành

Bước 1: Lập danh sách các bà mẹ tham gia nghiên cứu: từ tháng 5 đến tháng 8/2016.

Bước 2: Tiến hành thu thập và lấy số liệu theo mẫu.

Phát phiếu khảo sát lượng giá kiến thức của bà mẹ về lợi ích của sữa mẹ.

Hướng dẫn và phát tờ rơi về lợi ích sữa mẹ.

Đánh giá lại và so sánh kiến thức trước và sau chương trình.

Bước 3: Tổng kết số liệu và xử lý số liệu trên phần mềm Stata 10.0 tháng 9 và tháng 10/ 2016.

Thu thập và phân tích dữ liệu: Dữ liệu được ghi nhận vào Bảng thu thập dữ liệu, nhập số liệu bằng phần mềm Epida, phân tích số liệu bằng phần mềm Stata 10.0.

Tính tần số, tỉ lệ (%) đối với các biến định tính.

Tính trung bình (TB) ± độ lệch chuẩn (ĐLC) đối với biến định lượng.

Vấn đề y đức

Nghiên cứu của chúng tôi không vi phạm y đức vì:

Nuôi con bằng sữa mẹ là phương pháp tự nhiên và tốt nhất cho trẻ sơ sinh trong và sau giai đoạn bệnh lý nặng nề. Chúng tôi thu nhận vào nghiên cứu tất cả các trẻ nằm tại khu cách ly của khoa Sơ sinh mà bà mẹ đồng ý tham gia vào

chương trình vắt sữa mẹ và sử dụng tủ lưu trữ sữa mẹ tại khoa cho con mình.

Các bà mẹ có con tham gia trong nghiên cứu có ký tờ Đồng thuận.

Các bà mẹ được cung cấp thông tin miễn phí.

Các trang bị cần thiết cho nghiên cứu và tủ lưu trữ sữa mẹ được bệnh viện trang bị, thân nhân bệnh nhi không phải chi trả thêm.

Các thông tin thu thập được hoàn toàn được bảo mật.

Nghiên cứu của chúng tôi đã được Hội đồng Khoa học công nghệ và Y đức của Bệnh viện xem xét và thông qua.

KẾT QUẢ

Dịch tễ học của đối tượng tham gia nghiên cứu

Bảng 1: Đặc điểm dịch tễ học của bà mẹ và con

Đặc điểm		N(%)
		TB ±SD (min – max)
Mẹ	Tuổi	28,33 ± 5,71 (18 – 35)
	Dân tộc kinh	41(80,39%)
	Học vấn	42 (82,35%)
	Lao động chân tay	42 (82,35%)
Con	Tuổi thai (tuần)	35,1 (15 – 41%)
	Cân nặng lúc sanh (gram)	2466 (800 – 4300)
	Cân nặng lúc vào viện (gram)	2580 (900- 4300)

Nhận xét: Có 51 bà mẹ tham gia nghiên cứu này với độ tuổi trung bình là 28,33 ± 5,71. C dân tộc kinh là chủ yếu 80,39%, với trình độ học vấn < cấp 3 chiếm 82,35%, lao động chân tay chiếm 82,35%. Con có tuổi thai 35,1 (15 – 41%), cân nặng lúc sanh 2466 (800 – 4300) và cân nặng lúc vào viện 2580 (900- 4300).

Kiến thức đúng về lợi ích của sữa mẹ trước và sau chương trình tuyên truyền tại khu cách ly

Bảng 2: Kiến thức đúng của đối tượng tham gia nghiên cứu về lợi ích của sữa mẹ

	Kết quả (n%)	
	Đúng	Không đúng
Trong sữa mẹ có đủ chất dinh dưỡng và vitamin	51(100)	0
Sữa mẹ ngừa tiêu chảy, viêm phổi	48(94, 12)	3(5,88)
Lợi ích về tâm lý khi cho con bú mẹ	41(80,39)	10 (19,61)

Nhận xét: Tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đúng về trong sữa mẹ có chất dinh dưỡng và vitamin nghiên cứu (100%). 5,88% bà mẹ cho rằng sữa mẹ không giúp ngừa được bệnh tiêu chảy và viêm phổi.

Bảng 3: Kiến thức đúng của đối tượng tham gia nghiên cứu về thời điểm cho bú

		Kết quả (n%)	
		Đúng	Không đúng
Thời điểm cho bú	Bú theo nhu cầu	47 (92,16)	4 (7,84)
Thời điểm cho bú lần đầu sau sanh	<30 phút	30 (58,82)	21 (41,18)
Thời điểm cai sữa	24 tháng	23 (45,1)	28 (54,9)

Nhận xét: Tỷ lệ bà mẹ cho rằng cho trẻ bú mẹ theo nhu cầu > 92%. Bà mẹ cho rằng thời điểm cho bú 30 phút sau sanh 58,82%. Có 45,1% bà mẹ cho rằng trẻ nên cai sữa sau 18 tháng.

Bảng 4: Kiến thức đúng của đối tượng tham gia nghiên cứu về cách cho bú đúng

		Kết quả (n%)	
		Đúng	Không đúng
Các biểu hiện bú không đủ		51(100)	0
Cách cho bú sau thời gian hậu sản		28 (54,90%)	23 (45,10%)
Bú sữa mẹ khi mẹ bị cảm		15 (29,41)	36 (70,59)

Nhận xét: 29,41% bà mẹ cho rằng không nên cho trẻ bú khi bị cảm, 54,90% bà mẹ biết cách cho trẻ bú sau thời gian hậu sản. 100% bà mẹ hiểu rõ về cách cho bú và các biểu hiện đúng của trẻ khi bú.

Bảng 5: Kiến thức đúng của đối tượng tham gia nghiên cứu về sữa bột

		Kết quả (n%)	
		Đúng	Không đúng
Bất lợi của sữa công thức		25 (49,02%)	26 (50,98%)
Nguy hiểm khi cho trẻ bú sữa công thức(gây dị ứng, tiêu chảy, nhiễm khuẩn hô hấp)		49 (96,08%)	2 (3,92)

Nhận xét: 100% bà mẹ đều biết sữa công thức có thể gây nguy hiểm cho trẻ. 50,98% bà mẹ hiểu được các bất lợi của sữa công thức.

Bảng 6. Kiến thức chung đúng của các bà mẹ về nuôi con bằng sữa mẹ trước và sau tư vấn:

	Kết quả (n%)	
	Đúng	Không đúng
Kiến thức không đúng	31 (60,78)	10 (19,61)
Kiến thức đúng	41 (80,39)	

Nhận xét: Tỷ lệ kiến thức chung của bà mẹ là 80,39%.

BÀN LUẬN

Qua khảo sát 51 bà mẹ có con nằm tại khu cách ly của khoa sơ sinh, chúng tôi nhận thấy:

Dịch tễ học của bà mẹ.

Về tuổi của các bà mẹ nhỏ nhất là 18 tuổi và lớn nhất là 35 tuổi.

Chủ yếu là dân tộc 80,39%, Trình độ học vấn > cấp 3 là 82,35 %. Đây là một yếu tố rất thuận lợi cho nhân viên y tế trong việc tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ.

Nghề nghiệp chủ yếu là lao động chân tay 82,35% có nhiều thời gian và thuận tiện nhất cho việc nuôi con bằng sữa mẹ.

Dinh dưỡng

Tuổi thai trung bình là 35,1 tuần và có cân nặng lúc sanh trung bình là 2466 gram. Đây là nhóm có tuổi thai và cân nặng lúc sanh tương đối an toàn và ít có nguy cơ nhất trong nhóm sanh non.

Kiến thức đúng về lợi ích của sữa mẹ:

100% bà mẹ trước và sau tư vấn cho rằng trong sữa mẹ có đủ chất dinh dưỡng và vitamin.

94,12% bà mẹ có kiến thức đúng khi đồng ý cho trẻ bú mẹ ngừa được tiêu chảy và viêm phổi.

80,39 % bà mẹ biết những lợi ích tâm lý khi cho trẻ bú mẹ.

92,16% bà mẹ đồng ý cho trẻ bú mẹ theo nhu cầu.

Thời điểm cho trẻ bú lần đầu sau sanh 30 phút có 58,82% bà mẹ đồng ý.

Thời gian cai sữa 24 tháng có 45,1% bà có kiến thức đúng.

100% bà mẹ hiểu rõ về cách cho bú và các biểu hiện đúng của trẻ khi bú.

Có cho bú sữa mẹ khi mẹ bị cảm có 29,41% bà mẹ đồng ý.

Qua kết quả trên cho ta thấy hầu hết các bà mẹ tham gia nghiên cứu đều có những kiến thức đúng về lợi ích của sữa mẹ cũng như kiến thức đúng về cách nuôi con bằng sữa mẹ.

Kiến thức chung đúng của bà mẹ.

Tỉ lệ kiến thức chung đúng của bà mẹ chiếm tỉ lệ cao 80,39%.

KẾT LUẬN

Kiến thức của bà mẹ về việc nuôi con bằng sữa mẹ là 80,39% bà mẹ hiểu đúng về lợi ích tâm lý khi cho con bú mẹ.

Tương tự có 92,16% bà mẹ cho rằng nên cho trẻ bú mẹ theo nhu cầu.

Kiến thức chung đúng của bà mẹ về chương trình nuôi con bằng sữa mẹ tăng lên từ 80,39%.

KIẾN NGHỊ

Triển khai mở rộng việc tư vấn ở giai đoạn tiền sản để giúp các bà mẹ có kiến thức đúng sớm hơn và tạo điều kiện thuận lợi cho các bà

mẹ cho trẻ bú mẹ sớm sau sanh, nhằm giảm được những nguy cơ nhiễm khuẩn cho trẻ nằm điều trị tại khu cách ly, góp phần thành công cho việc điều trị cho BN.

Triển khai và phối hợp tốt công tác tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ cho những trẻ sơ sinh nhập viện mà nhịn ăn ở khoa cấp cứu và khoa HSSS. Nhằm giúp bà mẹ duy trì được nguồn sữa mẹ cho đến khi trẻ được ăn trở lại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kaplan M (2005). Necrotizing enterocolitis. <http://www.pediatrics.be>
2. Lawrence RR (2011). Breastfeeding- A guide for medical profession. *Saunders Elsevier* 7th edition. p.98-100.
3. Stoll BJ, Adams-Chapman I (2011). Prematurity and Intrauterine Growth Retardation. *Nelson textbook of Pediatrics*. 18th edi. p.97.
4. WHO (2009). Management of breast conditions and other breastfeeding difficulties. *Infant and young child feeding*. p. 65-76.
5. WHO (2009). The physiological basis of breastfeeding. *Infant and young child feeding*. p. 9-18.
6. WHO (2012). The Maternal and Child Health Integrated Program (MCHIP). *Kangaroo mother care – implementation guide*. p.11.

Ngày nhận bài báo:	13/10/2016
Ngày phản biện nhận xét bài báo:	17/10/2016
Ngày bài báo được đăng:	05/12/2016